

Mã chương: 822

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường Mầm non Lộc Hạ

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1132913

Mã cấp NS: 4

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	2.609.319.352	2.609.319.352	2.609.319.352	2.609.319.352
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	112.500.000	112.500.000	112.500.000	112.500.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	68.796.000	68.796.000	68.796.000	68.796.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	28.091.681	28.091.681	28.091.681	28.091.681
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	931.151.897	931.151.897	931.151.897	931.151.897
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	2.808.000	2.808.000	2.808.000	2.808.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	484.043.590	484.043.590	484.043.590	484.043.590
Thưởng thường xuyên	13	071	6201	00000	0	0	14.572.000	14.572.000	14.572.000	14.572.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	559.842.291	559.842.291	559.842.291	559.842.291
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	95.972.966	95.972.966	95.972.966	95.972.966
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	27.085.385	27.085.385	27.085.385	27.085.385
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	31.990.984	31.990.984	31.990.984	31.990.984
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	071	6404	00000	0	0	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	58.769.883	58.769.883	58.769.883	58.769.883
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	35.666.560	35.666.560	35.666.560	35.666.560
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	10.098.203	10.098.203	10.098.203	10.098.203

Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	16.083.900	16.083.900	16.083.900	16.083.900
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000
Chi phí thuê mướn khác	13	071	6799	00000	0	0	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000
Nhà cửa	13	071	6907	00000	0	0	23.617.440	23.617.440	23.617.440	23.617.440
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	10.735.200	10.735.200	10.735.200	10.735.200
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	14.810.000	14.810.000	14.810.000	14.810.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	071	7757	00000	0	0	8.432.603	8.432.603	8.432.603	8.432.603
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	13	071	7766	00000	0	0	127.140.000	127.140.000	127.140.000	127.140.000
Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	13	071	7903	00000	0	0	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	15	071	7766	00000	0	0	49.260.000	49.260.000	49.260.000	49.260.000
Thưởng thường xuyên	18	071	6201	00000	0	0	263.000.000	263.000.000	263.000.000	263.000.000
Cộng:					0	0	5.633.022.935	5.633.022.935	5.633.022.935	5.633.022.935
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 21 tháng 1 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hien07 Luu Thi

Người ký: Duan01 Do Van
Ngày ký: 21/01/2026 09:43:06
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 4

Duan01 Do Van

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 20 tháng 1 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Trần Mai Phương
Ngày ký: 20/01/2026 16:20:07
Đơn vị: Trường Mầm non Lộc Hạ

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Anh
Ngày ký: 20/01/2026 16:22:30
Đơn vị: Trường Mầm non Lộc Hạ

Trần Mai Phương

Nguyễn Thị Tuyết Anh

